

Biểu mẫu 01

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
TRƯỜNG MẦM NON TUỔI HOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	100%	100%
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Chương trình giáo dục mầm non theo Văn bản số 01/VBHN-BGDĐT Ngày 24 tháng 01 năm 2017 của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành chương trình GDMN Thông tư số 51/TT – BGDDT ngày 31/12/2020	Chương trình giáo dục mầm non theo Văn bản số 01/VBHN-BGDĐT Ngày 24 tháng 01 năm 2017 của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành chương trình GDMN Thông tư số 51/TT – BGDDT ngày 31/12/2020
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	95%	95%
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	Đạt	Đạt

Nhà Bè, ngày 16 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thúy Trinh

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
TRƯỜNG MẦM NON TUỔI HOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế
Năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	19-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em			13	26	66	126	165
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày			13	26	66	126	165
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập			0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú			13	26	66	126	165
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe							
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng							
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường			13	26	66	126	165
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân			0	0	0	0	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường			13	26	66	126	165
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi			0	0	0	0	0
5	Số trẻ thừa cân béo phì			0	0	0	0	0
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ			13	26			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo					66	126	165

Nhà Bè, ngày 16 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG


Trần Thúy Trinh

Biểu mẫu 03

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
TRƯỜNG MẦM NON TUỔI HOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng		Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố		20
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường		01
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)		14967
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)		601
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)		1200
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		720
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)		520
4	Diện tích hiên chơi (m ²)		420
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)		100
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)		100
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)		204
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	137	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời		Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	16	

X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Bảng tương tác	1	

		Số lượng(m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	20	4	16	520	1.58
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

Nhà Bè, ngày 16 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thúy Trinh

Biểu mẫu 04

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
TRƯỜNG MẦM NON TUỔI HOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	48		3	34	2	1	8		32	7				
I	Giáo viên	35													
1	Nhà trẻ	6			4	2				6					
2	Mẫu giáo	29			28	1	0			23	6				
II	Cán bộ quản lý	3													
1	Hiệu trưởng	1		1											
2	Phó hiệu trưởng	2		1	1										
III	Nhân viên	10													
1	Nhân viên văn thư	1					1								
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên khác	8						8							
..	..														

Nhà Bè, ngày 16 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thúy Trinh